

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 21/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 12 tháng 7 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương kế hoạch 2023 kéo dài sang 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ TÁM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển (phần vốn phân bổ sau) và cập nhật danh mục dự án đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 05 năm (2021 - 2025) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

Thực hiện Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân khai chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ phần vốn phân bổ sau nguồn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, năm 2023;

Xét Tờ trình số 60/TTr-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh trình dự thảo Nghị quyết điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương kế hoạch 2023 kéo dài sang 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Báo cáo thẩm tra số 109/BC-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng Nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương kế hoạch 2023 kéo dài sang 2024 của 05 dự án để tăng kế hoạch vốn cho 15 dự án, với số vốn là 20.700 triệu đồng. Cụ thể:

a) Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn ngân sách trung ương năm 2023 kéo dài sang 2024 của 05 dự án đầu tư từ Dự án thành phần 2, trên địa bàn huyện Ea H'leo và huyện Lắk, với số vốn là 20.700 triệu đồng, bao gồm:

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của 01 dự án đầu tư trên địa bàn huyện Ea H'leo, với số vốn là 700 triệu đồng;

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của 04 dự án đầu tư trên địa bàn huyện Lắk, với số vốn là 20.000 triệu đồng.

b) Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn ngân sách trung ương năm 2023 kéo dài sang 2024 của 14 dự án đầu tư từ Dự án thành phần 4 và 01 dự án đầu tư từ Dự án thành phần 5, với số vốn là 20.700 triệu đồng, bao gồm:

- Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn cho 14 dự án đầu tư thuộc Dự án thành phần 4, trên địa bàn các huyện: Krông Bông, Ea H'leo, Ea Kar, M'Đrăk, Krông Năng, Lắk, Cư M'gar; với số vốn là 17.120 triệu đồng.

- Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn cho 01 dự án đầu tư thuộc Dự án thành phần 5, với số vốn là 3.580 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại các kỳ họp.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khoá X, Kỳ họp thứ Tám thông qua ngày 11 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Thị Chiến Hòa

Phụ lục

**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN
KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI, KẾ HOẠCH NĂM 2023 KÉO DÀI
SANG 2024 - BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN**

(Kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên danh mục công trình	Địa điểm thực hiện	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án					Kế hoạch 2023 kéo dài sang 2024 (Nguồn NSTW)	Điều chỉnh KH 2023 kéo dài (Nguồn NSTW)		KH 2023 kéo dài sang 2024 sau điều chỉnh (Nguồn NSTW)	Ghi chú
					quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Điều chỉnh giảm		Điều chỉnh tăng			
						Tổng tất cả các nguồn vốn	NSTW	NST				NSH, NSX và HDK		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
	TỔNG CỘNG					441.727	411.653	26.600	3.474	67.446,453	20.700,000	20.700,000	67.446,453	
A	DỰ ÁN 2					280.400	265.600	14.800	-	52.379,819	20.700,000	-	31.679,819	
I	Huyện Ea H'leo					61.000	58.000	3.000	-	19.379,819	700,000	-	18.679,819	
1	Dự án Sắp xếp, ổn định dân cư vùng đặc biệt	Xã Ea Tір, huyện	Ban QLDA ĐTXD	2023-2025	1522/QĐ-UBND ngày 11/8/2023	61.000	58.000	3.000	-	19.379,819	700,000	-	18.679,819	CT

	khó khăn tại xã Ea Tir, huyện Ea H'leo	Ea H'leo	huyện Ea H'leo											
II	Huyện Lắk					219.400	207.600	11.800	-	33.000,000	20.000,000	-	13.000,000	
1	Dự án Sắp xếp, ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn xã an toàn khu (ATK) Krông Nô, huyện Lắk	Xã Krông Nô, huyện Lắk	Ban QLDA ĐTXD huyện Lắk	2023-2025	2742/QĐ-UBND ngày 22/12/2023	64.363	61.863	2.500	-	11.700,000	8.000,000	-	3.700,000	CT
2	Dự án Sắp xếp, ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn xã an toàn khu (ATK) Đăk Phơi, huyện Lắk	Xã Đăk Phơi, huyện Lắk	Ban QLDA ĐTXD huyện Lắk	2023-2025	2743/QĐ-UBND ngày 22/12/2023	50.815	47.765	3.050	-	7.000,000	4.000,000	-	3.000,000	CT
3	Dự án Sắp xếp, ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn xã an toàn khu (ATK) Bông Krang, huyện Lắk	Xã Bông Krang, huyện Lắk	Ban QLDA ĐTXD huyện Lắk	2023-2025	2744/QĐ-UBND ngày 22/12/2023	50.486	47.436	3.050	-	6.800,000	4.000,000	-	2.800,000	CT
4	Dự án Sắp xếp, ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn tại xã Đăk Liêng, huyện Lắk	Xã Đăk Liêng, huyện Lắk	Ban QLDA ĐTXD huyện Lắk	2023-2025	2745/QĐ-UBND ngày 22/12/2023	53.736	50.536	3.200	-	7.500,000	4.000,000	-	3.500,000	CT

B	DỰ ÁN 4					149.327	137.453	8.400	3.474	11.368,561	-	17.120,000	28.488,561	
I	Huyện Krông Bông					34.500	29.776	2.500	2.224	1.718,269	-	4.126,000	5.844,269	
1	Đập dâng Cư Phiăng, xã Hòa Phong, huyện Krông Bông	Xã Hòa Phong	Ban QLDA ĐTXD huyện Kr Bông	2023-2025	3343/QĐ-UBND ngày 31/7/2023	12.500	10.750	1.000	750	547,836	-	1.950,000	2.497,836	HT
2	Các trục đường giao thông tại buôn Tong Rang B và buôn Cư Drăm, xã Cư Drăm	Xã Cư Drăm	Ban QLDA ĐTXD huyện Kr Bông	2023-2025	2414/QĐ-UBND-15/6/2023	10.000	7.776	1.500	724	478,989	-	1.176,000	1.654,989	CT
3	Các trục đường giao thông tại các thôn Ea Bar, Cư Tê, buôn Bhung, xã Cư Pui	Xã Cư Pui	Ban QLDA ĐTXD huyện Kr Bông	2023-2025	2413/QĐ-UBND-15/6/2023	12.000	11.250	-	750	691,444	-	1.000,000	1.691,444	CT
II	Huyện Ea Hleo					8.500	8.500	-	-	475,620	-	700,000	1.175,620	
1	Các trục đường giao thông buôn Kri, xã Ea Sol, huyện Ea H'leo	Buôn Kri, xã Ea Sol	Ban QLDA ĐTXD huyện Ea H'leo	2023-2025	2158/QĐ-UBND ngày 12/7/2023	8.500	8.500	-	-	475,620	-	700,000	1.175,620	CT
III	Huyện Ea Kar					12.500	11.500	-	1.000	-	-	1.550,000	1.550,000	

1	Xây dựng 01 phòng học tại điểm trường buôn Ea Rót thuộc Trường Mầm non Tuổi Thơ và nhà hiệu bộ Trường THCS Phạm Hồng Thái, xã Cư Elang	Xã Cư Elang	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	341/QĐ-UBND-28/6/2023	2.500	2.500	-	-	-	-	350,000	350,000	CT
2	Đường giao thông liên xã Cư Prông đi xã Ea Tít (từ thôn Hạ Long, xã Cư Prông đi thôn Tiến Đông, xã Ea Tít)	Xã Cư Prông và xã Ea Tít	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	332/QĐ-UBND-26/6/2023	10.000	9.000	-	1.000	-	-	1.200,000	1.200,000	CT
IV	Huyện M'Đrăk					11.000	11.000	-	-	218,912	-	1.500,000	1.718,912	
1	Các tuyến đường giao thông thôn 1, 8 xã Ea Pil (03 tuyến)	Thôn 1, 8 Xã Ea Pil	Ban QLDA ĐTXD huyện M'Đrăk	2023-2025	2577/QĐ-UBND-22/6/2023	11.000	11.000	-	-	218,912	-	1.500,000	1.718,912	CT
V	Huyện Krông Năng					14.937	14.687	-	250	638,747	-	3.000,000	3.638,747	

1	Đường giao thông thôn Tân Hiệp đến trung tâm xã Dliêya, huyện Krông Năng	Xã Dliêya	Ban QLDA ĐTXD huyện Kr Năng	2023-2025	3213/QĐ-UBND ngày 11/07/2023	14.937	14.687	-	250	638,747	-	3.000,000	3.638,747	CT
VI	Huyện Lắk					28.800	22.900	5.900	-	6.324,451	-	1.300,000	7.624,451	
1	Đường giao thông nông thôn tại Buôn Kdiê 1 và Buôn Kdiê 2, xã Đăk Nuê (03 tuyến)	Xã Đăk Nuê	Ban QLDA ĐTXD huyện Lắk	2023-2025	3544/QĐ-UBND ngày 29/9/2023	9.500	7.400	2.100	-	1.755,936	-	300,000	2.055,936	CT
2	Đường giao thông nông thôn tại Buôn Dhăm 2 và thôn Yên Thành 2, xã Đăk Nuê (03 tuyến)	Xã Đăk Nuê	Ban QLDA ĐTXD huyện Lắk	2023-2025	3541/QĐ-UBND ngày 29/9/2023	4.600	3.600	1.000	-	1.266,054	-	100,000	1.366,054	CT
3	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn (đoạn từ ngã 3 Buôn Tu Sria đến hồ chứa nước Nam Ka), xã Nam Ka	Xã Nam Ka	Ban QLDA ĐTXD huyện Lắk	2023-2025	3545/QĐ-UBND ngày 29/9/2023	5.200	4.000	1.200	-	460,273	-	100,000	560,273	CT

4	Kiên cố hóa kênh đập Buôn Tung 2 và đường dọc bờ kênh, xã Buôn Triết	Xã Buôn Triết	Ban QLDA ĐTXD huyện Lắk	2023- 2025	3543/QĐ- UBND ngày 29/9/2023	5.000	4.500	500	-	1.624,943	-	750,000	2.374,943	CT
5	Đường giao thông nông thôn tại Buôn Tung 3, buôn Lach Rung - Ja Tu, buôn Knăc, xã Buôn Triết (04 tuyến)	Xã Buôn Triết	Ban QLDA ĐTXD huyện Lắk	2023- 2025	3539/QĐ- UBND ngày 29/9/2023	4.500	3.400	1.100	-	1.217,245	-	50,000	1.267,245	CT
VII	Huyện Cư M'gar					39.090	39.090	-	-	1.992,562	-	4.944,000	6.936,562	
1	Đường giao thông từ thôn Đông giao đến trung tâm xã Ea M'droh	Xã Ea M'dro h và xã Quảng Hiệp	Ban QLDA ĐTXD huyện Cư M'Gar	2023- 2025	3084/QĐ- UBND ngày 15/6/2023	39.090	39.090	-	-	1.992,562	-	4.944,000	6.936,562	CT
C	DỰ ÁN 5					12.000	8.600	3.400	-	3.698,073	-	3.580,000	7.278,073	

1	Trường PTDTNT - THCS TP Buôn Ma Thuột; hạng mục: Cải tạo, nâng cấp, bổ sung phòng học, phòng bộ môn, phòng ở nội trú học sinh, phòng quản lý học sinh nội trú, nhà sinh hoạt giáo dục văn hóa dân tộc và hạ tầng kỹ thuật.	Phường Thành Nhất, TP BMT	Sở GD&ĐT	2023-2025	2422/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	12.000	8.600	3.400	-	3.698,073	-	3.580,000	7.278,073	CT
---	--	---------------------------	----------	-----------	------------------------------	--------	-------	-------	---	-----------	---	-----------	-----------	----